TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày: 31/3/2023
"*V/v tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh

Ông Ngô Quốc Tiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 31/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2022/TLST-DS ngày 29/11/2022, về việc "*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 21/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH V

Địa chỉ: Số A, Tổ B, khóm M, phường M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan V, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, Tổ B, Khóm C, Phường D, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn T A, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số A, Tổ B, khóm M, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ T trình bày:

Vào ngày 15/6/2021, bà Nguyễn T A có ký hợp đồng vay vốn tại Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty). Hợp đồng số NC000280/HĐTC–CC ngày

15/6/2021 với số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 16/6/2021 đến hết ngày 12/12/2021, thời gian góp 180 ngày, lãi suất vay vốn: 1,57%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: 2,16%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày. Tiền vốn hàng ngày phải trả là 166.640 đồng, kỳ cuối là 179.440 đồng, tiền lãi hàng ngày phải trả là 15.700 đồng, tiền công cho người đi góp hàng ngày là 18.910 đồng.

Bà Nguyễn T A đã góp được 35 ngày (Từ ngày 16/6/2021 đến hết ngày 20/7/2021) với số tiền là 201.300đ × 35 ngày = 7.045.500 đồng.

Từ ngày 21/7/2021, bà Nguyễn T A không tiếp tục góp nữa.

Như vậy, theo Hợp đồng bà T A còn thiếu số tiền góp 145 ngày.

Theo đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu bà T A trả số tiền 34.799.800đ (Ba mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn tám trăm đồng). (Trong đó : Tiền gốc là: 29.188.500đ, lãi quá hạn là 5.611.300 đ). Yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 06/9/2022 đến khi kết thúc vụ án với lãi suất nợ quá hạn là 2,16% tháng.

Nay Công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn T A trả số tiền vay còn thiếu cho Công ty cụ thể như sau:

- Tiền gốc còn thiếu 166.640 đ x 144 ngày + kỳ cuối 171.440 đ = 24.167.600 đồng.

- Tiền lãi trong hạn còn thiếu 24.167.600 đ x 1,57%/tháng x 145 ngày = 1.833.918 đồng.

- Tiền lãi quá hạn (từ ngày 13/12/2021) tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 474 ngày: 24.167.600 đ x 2,16%/tháng x 474 ngày = 8.247.918 đồng.

Tổng cộng bà T A phải trả cho Công ty số tiền:

Tiền gốc 24.167.600 đồng + Tiền lãi trong hạn còn thiếu 1.833.918 đồng + Tiền lãi quá hạn 8.247.918 đồng = 34.249.436 đồng.

Công ty yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi bà T A trả xong nợ với lãi suất nợ quá hạn là 2,16% tháng.

Khi vay tiền, bà T A có cầm cố chiếc xe hiệu YAMAHA biển số 66P2-255.59. Tuy nhiên, Công ty đã cho bà Nguyễn T A mượn lại chiếc xe nói trên để làm phương tiện đi lại, Công ty không còn giữ chiếc xe trên. Công ty không yêu cầu xem xét xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn T A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bà, nhưng bà Nguyễn T A vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà T A trả số tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T A nhưng bà T A không có mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý việc xét xử vắng mặt bà T A. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T A.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V yêu cầu bà Nguyễn T A trả số tiền vay cho Công ty TNHH V là 34.249.436 đồng.

Căn cứ Hợp đồng số NC000280/HĐTC–CC ngày 15/6/2021 thể hiện Công ty TNHH V có cho bà Nguyễn T A vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 180 ngày (từ ngày 16/6/2021 đến hết ngày 12/12/2021), lãi suất vay trong hạn: 1,57%/ tháng. Lãi suất nợ quá hạn: 2,16% tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày, tiền phí tín dụng (tiền công cho người đi thu hàng ngày) là 18.910 đồng/ngày, mục đích vay để mua bán nhỏ, tiêu dùng, thỏa thuận hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T A đã góp tiền cho Công ty TNHH V từ ngày 16/6/2021 đến hết ngày 20/7/2021 số tiền 201.300đ × 35 ngày = 7.045.000 đ. Từ ngày 21/7/2021 đến nay bà Nguyễn T A không tiếp tục góp nữa.

Số tiền vay trên, Tòa án đã thông báo cho bà T A biết; đồng thời có thông báo công khai chứng cứ cho bà T A nhưng bà T A không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông T đại diện Công ty TNHH V, thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T A trả số tiền nợ còn thiếu là:

- Tiền gốc còn thiếu 166.640 đ x 144 ngày + kỳ cuối 171.440 đ = 24.167.600 đồng.

- Tiền lãi trong hạn còn thiếu 24.167.600 đ x 1,57%/tháng x 145 ngày = 1.833.918 đồng.

- Tiền lãi quá hạn (từ ngày 13/12/2021) tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 474 ngày: 24.167.600 đ x 2,16%/tháng x 474 ngày = 8.247.918 đồng.

Tổng cộng bà T A phải trả cho Công ty số tiền:

Tiền gốc 24.167.600 đồng + Tiền lãi trong hạn còn thiếu 1.833.918 đồng + Tiền lãi quá hạn 8.247.918 đồng = 34.249.436 đồng.

Công ty yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 01/4/2023 đến khi bà T A trả xong nợ với lãi suất nợ quá hạn là 2,16% tháng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Công ty TNHH V là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* nên chấp nhận.

[2.3] Đối với tài sản cầm cố, do Công ty TNHH V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà T A có nghĩa vụ trả cho Công ty V số tiền 34.249.436 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.249.436 đồng x 5% = 1.712.000 đồng (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH V không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V.

2/ Buộc bà Nguyễn T A trả cho Công ty TNHH V số tiền vay tổng cộng 34.249.436 đồng (ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi sáu đồng) (trong đó, nợ gốc 24.167.600 đồng + lãi trong hạn còn thiếu 1.833.918 đồng + lãi quá hạn 8.247.918 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng số NC000280/HĐTC–CC ngày 15/6/2021.

3/ Về án phí: bà Nguyễn T A phải chịu 1.712.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH V không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 870.000 đồng theo biên lai thu số 0011788 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng